

Số: ~~767~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~20~~ tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí  
(Đợt 08 năm 2025)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025; số 205/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 về việc điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 đã giao tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh của các sở dừng hoạt động và giao dự toán năm 2025 cho các sở được thành lập.*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 136/TTr-SNV ngày 16/5/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách gồm **14** đối tượng (có danh sách kèm theo) được hưởng trợ cấp tiền mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền chi trả là **310.600.000 đồng** (Ba trăm mười triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2025 được UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ tỉnh tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 và Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 về việc điều chỉnh giảm dự toán năm 2025 đã giao tại Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của các Sở dừng hoạt động và giao dự toán năm 2025 cho các Sở được thành lập.

**Điều 2.** Sở Nội vụ có trách nhiệm:

1. Phối hợp với UBND huyện Ba Tơ và UBND Thành phố Quảng Ngãi có đối tượng hưởng trợ cấp tiền mai táng phí được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này thực hiện cấp phát, chi trả đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực 12; Chủ tịch UBND: huyện Ba Tơ và Thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và thân nhân các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), KTTH;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Tuấn**

**DANH SÁCH**  
**GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ MẠI TANG PHÍ (ĐỢT 08 NĂM 2025)**

(Kèm theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Họ và tên NCC       | Năm sinh | Quốc tịch                                  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi từ trần | Ngày, tháng năm từ trần | Mức hưởng   | Ghi chú |
|----|---------------------|----------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------|---------|
| 1  | 2                   | 3        | 4                                          | 5                                                | 6                       | 7           | 8       |
| 1  | Lý Thị Sáu          | 1950     | xã Tịnh Kỳ, huyện Sơn Tịnh                 | xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi                 | 23/3/2025               | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 2  | Bùi Thị Hào         | 1941     | xã Tịnh Kỳ, huyện Sơn Tịnh                 | xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi                 | 25/3/2025               | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 3  | Nguyễn Từu          | 1940     | xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh                | xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi                | 22/01/2025              | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 4  | Tạ Quý              | 1920     | phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi             | phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi                   | 21/8/2022               | 14,900,000  | QĐ-290  |
| 5  | Lê Trung            | 1956     | xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa                | xã An Phú, thành phố Quảng Ngãi                  | 17/4/2025               | 23,400,000  | QĐ-62   |
| 6  | Phan Mươi           | 1956     | phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi | phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi       | 24/02/2025              | 23,400,000  | QĐ-62   |
| 7  | Đỗ Văn Ư            | 1964     | xã Nghĩa Đồng, TP Quảng Ngãi               | xã Nghĩa Đồng, TP Quảng Ngãi                     | 25/02/2025              | 23,400,000  | QĐ-62   |
| 8  | Vy Hồng Lợi         | 1961     | thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh          | phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi  | 11/02/2025              | 23,400,000  | QĐ-62   |
| 9  | Phạm Thị Dù (Dù)    | 1958     | xã Ba Cung, huyện Ba Tư                    | xã Ba Cung, huyện Ba Tư                          | 14/02/2025              | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 10 | Phạm Thị Hợp        | 1948     | xã Ba Cung, huyện Ba Tư                    | xã Ba Cung, huyện Ba Tư                          | 12/02/2025              | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 11 | Phạm Văn Đồng       | 1959     | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                    | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                          | 16/12/2024              | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 12 | Phạm Văn Hoi        | 1941     | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                    | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                          | 06/3/2025               | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 13 | Phạm Thị Đun (Đunh) | 1942     | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                    | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                          | 04/3/2025               | 23,400,000  | QĐ-290  |
| 14 | Phạm Thị Thuộc      | 1949     | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                    | xã Ba Dinh, huyện Ba Tư                          | 16/11/2022              | 14,900,000  | QĐ-290  |
|    |                     |          |                                            |                                                  |                         |             |         |
|    | TỔNG CỘNG           |          |                                            |                                                  |                         | 310,600,000 |         |

Số tiền bằng chữ: Ba trăm mười triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.

